

Số: 339 /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 28 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 1672/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lạng Sơn năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 252/2025/QH15 của Quốc hội: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 369/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Trung du và Miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19 tháng 03 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2276/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 94/TTr-STC ngày 28 tháng 02 năm 2026; Báo cáo thẩm định số 30/BC-HĐTĐ ngày 12 tháng 02

năm 2026 của Hội đồng thẩm định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với nội dung như sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

- Phạm vi quy hoạch bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên tỉnh Lạng Sơn, với diện tích tự nhiên 830.732 ha, gồm 65 đơn vị hành chính cấp xã, phường¹.

- Ranh giới tọa độ địa lý từ 20°27' đến 22°19' vĩ Bắc và từ 106°06' đến 107°21' kinh Đông;

- Tỉnh Lạng Sơn phía Đông Bắc giáp Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc; phía Bắc giáp tỉnh Cao Bằng; phía Nam giáp tỉnh Bắc Ninh; phía Đông Nam giáp tỉnh Quảng Ninh; phía Tây giáp tỉnh Thái Nguyên.

II. QUAN ĐIỂM, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN, CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

(1) Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với chủ trương, đường lối phát triển của Đảng và Nhà nước; các Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII, XIV của Đảng; Nghị quyết của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ; Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc, các quy hoạch ngành quốc gia; bảo đảm bố trí không gian, phân bổ nguồn lực hợp lý để thực hiện hiệu quả mục tiêu tăng trưởng hai chữ số và các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, nhiệm vụ chiến lược về quốc phòng - an ninh, đối ngoại, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn tỉnh.

(2) Phát triển nhanh và bền vững trên cơ sở nâng cao hiệu quả cải cách thể chế, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, phát triển mạnh khu vực tư nhân; tăng cường hội nhập quốc tế, liên kết vùng; phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông, đô thị; thu hút nhân tài và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, chuyển đổi xanh là động lực chính, là giải pháp đột phá để phát triển nhanh, bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh; nỗ lực bắt kịp trình độ chuyển đổi số của cả nước và tận dụng thành công các cơ hội phát triển từ cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

¹ Gồm 61 xã: Đồng Đăng, Cao Lộc, Ba Sơn, Công Sơn, Na Sầm, Hoàng Văn Thụ, Thụy Hùng, Văn Lãng, Hội Hoan, Thất Khê, Đoàn Kết, Tân Tiến, Tràng Định, Quốc Khánh, Kháng Chiến, Quốc Việt, Văn Quan, Diêm He, Tri Lễ, Yên Phúc, Tân Đoàn, Khánh Khê, Bình Gia, Tân Văn, Hồng Phong, Hoa Thám, Quý Hòa, Thiện Hòa, Thiện Thuật, Thiện Long, Bắc Sơn, Vũ Lãng, Hưng Vũ, Nhất Hòa, Tân Tri, Vũ Lễ, Lộc Bình, Mẫu Sơn, Na Dương, Lợi Bác, Thống Nhất, Xuân Dương, Khuất Xá, Đình Lập, Kiên Mộc, Thái Bình, Châu Sơn, Chi Lăng, Chiến Thắng, Quan Sơn, Vạn Linh, Bằng Mạc, Nhân Lý, Hữu Lũng, Tuấn Sơn, Tân Thành, Văn Nham, Thiện Tân, Yên Bình, Hữu Liên, Cai Kinh và 04 phường: Đông Kinh, Tam Thanh, Kỳ Lừa, Lương Văn Tri.

(3) Tổ chức không gian phát triển của tỉnh Lạng Sơn bảo đảm tính thống nhất, phù hợp với tiềm năng, lợi thế và điều kiện phát triển của địa phương, nhất là vị trí cửa ngõ quốc tế kết nối với thị trường Trung Quốc; chú trọng khai thác hiệu quả không gian phát triển mới do sắp xếp các đơn vị hành chính và phát triển hạ tầng giao thông mang lại. Phát triển có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào một số địa bàn có điều kiện thuận lợi, hình thành các vùng động lực, hành lang kinh tế gắn với những ngành, lĩnh vực tỉnh có tiềm năng, thế mạnh như kinh tế cửa khẩu, công nghiệp chế biến chế tạo, điện gió, năng lượng tái tạo, thương mại và dịch vụ, du lịch, nông - lâm nghiệp, dược liệu giá trị cao.

(4) Xác định giá trị văn hóa, con người là yếu tố nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng cho sự phát triển bền vững. Tăng cường giữ gìn, bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa đặc sắc của các dân tộc trên địa bàn tỉnh gắn với đẩy mạnh phát triển du lịch, hợp tác quốc tế, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả, bền vững; nâng cao đạo đức xã hội, ý thức pháp luật, xây dựng văn hóa và con người Lạng Sơn phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, có khát vọng vươn lên. Tăng trưởng kinh tế đi đôi với bảo đảm an sinh, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, lấy con người là trung tâm của quá trình phát triển, đảm bảo phát triển bao trùm, toàn diện, nâng cao chất lượng dân số, nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, bảo đảm an ninh con người, an toàn xã hội.

(5) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế với xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, củng cố quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, lấy phát triển để ổn định, ổn định để phát triển nhanh, bền vững. Bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với giải quyết hiệu quả các vấn đề xã hội, thực hiện giảm nghèo nhanh và bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân, nhất là các khu vực nông thôn, biên giới, vùng đặc biệt khó khăn. Giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia và xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định, hợp tác và phát triển.

(6) Xác định bảo vệ môi trường, sinh thái, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu là điều kiện nền tảng, yếu tố tiên quyết cho phát triển bền vững kinh tế - xã hội; phát triển kinh tế theo hướng thúc đẩy tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, phát thải các-bon thấp, hài hòa với thiên nhiên, tôn trọng quy luật tự nhiên, không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Xây dựng Lạng Sơn trở thành tỉnh biên giới có kinh tế phát triển, xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh, môi trường sinh thái được bảo đảm, là một trong các cực tăng trưởng của vùng Trung du và miền núi phía Bắc vào năm 2030, trở thành tỉnh phát triển khá vào năm 2035; là trung tâm kết nối kinh tế, thương mại giữa Việt Nam, các nước ASEAN, Trung Quốc và châu Âu.

Cơ cấu kinh tế của tỉnh chuyển dịch mạnh theo hướng các ngành công nghiệp, dịch vụ, du lịch trở thành động lực tăng trưởng chính, ngành nông nghiệp

phát triển theo hướng sản xuất nông - lâm sản hàng hóa, được liên kết với tổ chức không gian sản xuất tập trung, phát triển theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ, hiệu quả cao. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội phát triển toàn diện, đời sống vật chất, tinh thần và môi trường sống của Nhân dân không ngừng được cải thiện. Hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển đồng bộ, hệ thống đô thị hiện đại, nguồn nhân lực chất lượng ngày càng cao và thực hiện chuyên đổi số hiệu quả trên cả bốn trụ cột: Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và cửa khẩu số. Chất lượng công tác bảo vệ môi trường, ngăn chặn sự suy giảm đa dạng sinh học được nâng cao, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, đạt được các mục tiêu phát triển bền vững.

b) Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

- Về kinh tế:

+ Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đến năm 2030 đạt khoảng 111.100 tỷ đồng.

+ Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân hàng năm giai đoạn 2026 - 2030 từ 10 - 11%.

+ Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn đến năm 2030: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản 14 - 15%; khu vực công nghiệp - xây dựng 32 - 33%; khu vực dịch vụ 49 - 50%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 3 - 4%.

+ Tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân đầu người đến năm 2030 đạt khoảng 130 triệu đồng, tương đương khoảng 5.000 USD.

+ Đến năm 2030, tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đạt trên 30%.

+ Thu nội địa tăng bình quân hàng năm từ 10% trở lên.

+ Tổng vốn đầu tư xã hội cả giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 250 - 270 nghìn tỷ đồng.

+ Đến năm 2030, tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với GRDP khoảng 50 - 51%.

+ Lượng khách du lịch đến năm 2030 đạt khoảng 6.000.000 lượt người; tổng thu từ khách du lịch đạt từ 10.000 tỷ đồng trở lên.

+ Kim ngạch xuất khẩu hàng địa phương tăng bình quân hàng năm 10 - 11%.

- Về kết cấu hạ tầng:

+ 100% hộ dân được sử dụng điện; hoàn thiện đưa vào sử dụng các công trình nguồn điện, lưới điện truyền tải, phân phối đã được quy hoạch và phê duyệt đầu tư.

+ Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 40% vào năm 2030.

+ 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh và khoảng 90% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng.

- Về xã hội:

- + Đến năm 2030 dân số đạt khoảng 854 - 856 nghìn người.
- + Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh đạt 75,5 tuổi, trong đó số năm sống khoẻ mạnh đạt tối thiểu 68 năm.
- + Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt 0,7 - 0,75.
- + Số lao động có việc làm đạt khoảng 339.000 người.
- + Tỷ trọng lao động có việc làm: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản 36 - 37%; công nghiệp và xây dựng 24 - 25%; dịch vụ 38 - 39%.
- + Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đạt từ 76% trở lên; tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 - 40%.
- + Tỷ lệ thất nghiệp khoảng 3 - 3,5%.
- + Năng suất lao động đạt trên 320 triệu đồng/người.
- + Duy trì tỷ lệ xã, phường đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã là 100%; đến năm 2030 có 13,5 bác sĩ và 37 giường bệnh trên 1 vạn dân, đạt bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân.
- + Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt trên 70%.
- + Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030) giảm 2%/năm.
- + Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 100%; tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn khoảng 80%.
- + Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới 60%.
- + Tỷ lệ đường xã được rải nhựa hoặc bê tông đạt trên 90% (theo phân loại đường đến hết năm 2024); tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm thôn được cứng hóa đạt trên 95%; toàn tỉnh có 3.000 căn nhà ở xã hội.
- Về bảo vệ môi trường:
 - + Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ở mức 65%.
 - + 100% chất thải nguy hại được thu gom, xử lý.
 - + Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị được thu gom, phân loại và xử lý đạt trên 99%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở khu dân cư nông thôn được thu gom, phân loại và xử lý đạt khoảng 90%.
 - + Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.
- Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại:
 - + Tiếp tục xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân, thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững mạnh.
 - + Xây dựng lực lượng quân đội, công an chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.
 - + Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, chủ động, tích cực hội nhập quốc

tế; xây dựng khu vực biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Đến năm 2050, Lạng Sơn có nền kinh tế hiện đại, năng động, có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại kết nối vùng, quốc tế hiệu quả, hệ thống cửa khẩu hiện đại, xanh, thông minh, an toàn, hiệu quả; là trung tâm kết nối quan trọng giữa các nước Đông Nam Á, Việt Nam với Trung Quốc, Trung Á và châu Âu. Lạng Sơn trở thành vùng đất XANH hấp dẫn đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực, đặc biệt là năng lượng sạch, nông nghiệp, công nghiệp và du lịch. Lạng Sơn đóng vai trò quan trọng trong việc xác định thương hiệu quốc gia của nông sản Việt Nam và là trung tâm quan trọng trung chuyển nông sản, hàng hóa chất lượng cao của Việt Nam và các nước Đông Nam Á đến thị trường khu vực và thế giới. Cơ cấu kinh tế của tỉnh chuyển dịch theo hướng lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, nhất là dịch vụ thương mại, du lịch, logistics và vận tải chiếm tỷ trọng lớn. Các giá trị văn hóa truyền thống được bảo tồn, gìn giữ, phát huy hiệu quả, đóng góp đáng kể vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Môi trường sinh thái được bảo vệ; an sinh xã hội của người dân được bảo đảm; trật tự an toàn xã hội, an ninh biên giới, chủ quyền quốc gia được bảo đảm vững chắc.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển

a) Các nhiệm vụ trọng tâm

- Đổi mới và hoàn thiện thể chế, cải tiến mạnh mẽ thủ tục hành chính theo hướng tinh giản, thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân, tạo môi trường kinh doanh hiện đại, minh bạch. Tập trung giải quyết kịp thời, dứt điểm các nút thắt, điểm nghẽn, tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án đầu tư, đặc biệt là các dự án lớn có sức lan tỏa rộng; đổi mới, nâng cao hiệu quả xúc tiến đầu tư, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, thu hút các nguồn vốn FDI. Nghiên cứu phát triển các mô hình, loại hình kinh tế mới tạo động lực đột phá phát triển kinh tế tỉnh như: khu thương mại tự do, khu hợp tác kinh tế qua biên giới, kinh tế không gian tầm thấp...

- Đầu tư nâng cấp và phát triển cơ sở hạ tầng từng bước đồng bộ, hiện đại, tập trung vào hạ tầng giao thông, đô thị, công nghiệp, thương mại, viễn thông, công nghệ thông tin, hạ tầng phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, xử lý chất thải và nước thải; ưu tiên các dự án liên kết vùng, có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội như: Cửa khẩu thông minh; các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; Khu du lịch Mẫu sơn; các dự án điện gió; tuyến cao tốc kết nối Lạng Sơn - Thái Nguyên; đường sắt khổ tiêu chuẩn Lạng Sơn - Hà Nội,...

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua phát triển giáo dục, đào tạo nghề cho người lao động và thu hút, sử dụng hiệu quả nhân tài.

- Phát triển du lịch trở thành động lực tăng trưởng kinh tế quan trọng, ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh vào năm 2030. Xây dựng điểm đến mới, sản phẩm mới phù hợp với xu thế, chú trọng đến những yếu tố đặc trưng, riêng biệt, trong đó ưu tiên xây dựng các sản phẩm du lịch biên giới, du lịch gắn với Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Lạng Sơn; khai thác hợp lý các giá trị địa chất,

cảnh quan, văn hóa phục vụ phát triển du lịch bền vững. Đẩy mạnh liên kết vùng, thu hút đầu tư các dự án du lịch quy mô lớn; phát triển, từng bước hoàn thành đưa vào khai thác khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn. Tập trung đầu tư, phát triển cả về số lượng và nâng cao chất lượng đồng bộ hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch. Đẩy mạnh phát triển hệ thống doanh nghiệp du lịch để điều phối, tăng cường giá trị gia tăng của chuỗi dịch vụ.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực tăng trưởng quan trọng nhất của nền kinh tế; thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp;

- Tập trung tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng gắn với xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp; ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm gắn với sản phẩm chủ lực, thế mạnh, đặc sản của địa phương, trong đó có các sản phẩm dược liệu và lâm sản ngoài gỗ; tập trung phát triển kinh tế rừng; thúc đẩy hợp tác, liên kết, phát triển chuỗi giá trị. Tăng cường liên kết giữa người sản xuất, hợp tác xã và doanh nghiệp trong tổ chức sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- Phát huy bản sắc văn hoá truyền thống tốt đẹp, nâng cao đạo đức xã hội, ý thức pháp luật, xây dựng văn hóa và con người Lạng Sơn.

- Tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia, xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác; chủ động thực hiện hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

b) Các đột phá phát triển

- Chuyển đổi số và cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư và phát triển các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân.

- Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trọng tâm là hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt khổ tiêu chuẩn, đô thị, khu, cụm công nghiệp; đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa của tỉnh.

- Phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại, dịch vụ và du lịch là lĩnh vực kinh tế mũi nhọn để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

- Phát triển công nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh, xanh, an toàn và hiện đại để trở thành động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế của tỉnh.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng

a) Phát triển ngành công nghiệp

- Phát triển công nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng hiện đại, thông minh, xanh hóa, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu với nhiều sản phẩm công

nghiệp chủ lực có sức cạnh tranh cao, đưa công nghiệp trở thành động lực thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế chung của toàn tỉnh.

- Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển các ngành công nghiệp với phương án phát triển các ngành kinh tế khác để hình thành các vùng công nghiệp, cụm ngành công nghiệp, khu công nghiệp (KCN), các mạng sản xuất, chuỗi giá trị công nghiệp, trong đó cụm ngành công nghiệp là trọng tâm.

- Tận dụng lợi thế kết nối giao thông, phát triển kết cấu hạ tầng công nghiệp, tập trung cho cơ sở hạ tầng các khu, cụm công nghiệp để thu hút đầu tư vào các dự án sản xuất công nghiệp quy mô lớn, các nhóm ngành có khả năng cạnh tranh tốt, là hạt nhân phát triển các ngành công nghiệp lợi thế, tạo hiệu ứng lan tỏa cho phát triển công nghiệp của tỉnh. Trọng tâm phát triển KCN tại các xã Hữu Lũng, Chi Lăng, Tuấn Sơn, Tân Thành, Thiện Tân, Na Dương, Đình Lập, Lộc Bình... Ngoài ra, một số cụm công nghiệp (CCN) được bố trí tại các vị trí kết nối thuận tiện với các tuyến hành lang kinh tế dọc theo QL.4A nối tỉnh Lạng Sơn với tỉnh Cao Bằng; QL.4B nối tỉnh Lạng Sơn với tỉnh Quảng Ninh, đường cao tốc Lạng Sơn - Thái Nguyên.

- Ưu tiên phát triển ngành sản xuất và chế biến, chế tạo; tập trung chế biến sâu nông, lâm sản, sản xuất dược liệu và sản xuất thực phẩm quy mô lớn; ưu tiên phát triển các ngành năng lượng tái tạo. Hoàn thiện chuỗi giá trị chế biến nông, lâm sản và thực phẩm thông qua hoạt động gia công đóng gói hàng xuất, nhập khẩu (XNK). Chú trọng phát triển ngành chế biến sâu dược liệu; chế biến gỗ và sản xuất các sản phẩm từ gỗ, phục vụ xuất khẩu trên cơ sở xây dựng các vùng nguyên liệu trên địa bàn tỉnh, đồng thời kết nối phát triển với các địa phương lân cận.

- Phát triển năng lượng tái tạo, đặc biệt là điện gió góp phần tăng tỷ trọng phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh, phấn đấu trở thành địa phương dẫn đầu trong lĩnh vực cung cấp năng lượng điện gió cho thị trường năng lượng tái tạo phía Bắc.

- Khuyến khích phát triển các dự án công nghiệp có quy mô vừa và nhỏ trong các CCN nhằm tận dụng nguyên liệu và nguồn lao động địa phương; liên kết các cơ sở chế biến với các khu vực nguyên liệu thô và thu hút nhiều nhân công, giải quyết các vấn đề về xã hội.

- Tập trung phát triển hạ tầng các khu, cụm công nghiệp; đa dạng hóa các nguồn vốn huy động đầu tư cho phát triển công nghiệp. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư có năng lực, tài chính đầu tư đồng bộ hạ tầng KCN, CCN vào các ngành lĩnh vực ưu tiên phát triển.

b) Phát triển ngành dịch vụ

- Xây dựng tỉnh Lạng Sơn trở thành trung tâm dịch vụ quan trọng của vùng Trung du và miền núi phía Bắc, trung tâm kết nối kinh tế, thương mại giữa Việt Nam, các nước ASEAN, Trung Quốc và châu Âu. Tập trung phát triển các lĩnh vực dịch vụ mà tỉnh có tiềm năng, thế mạnh như dịch vụ thương mại, dịch vụ logistics và vận tải, dịch vụ du lịch; đồng thời quan tâm phát triển các lĩnh vực

dịch vụ khác như dịch vụ tài chính – ngân hàng, dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế, dịch vụ bảo hiểm, dịch vụ hỗ trợ khoa học – công nghệ,...

- Tăng cường hợp tác với Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc kịp thời nắm bắt thông tin, các thay đổi về chính sách, cơ chế của phía Trung Quốc, thúc đẩy tiện lợi hoá, nâng cao năng lực thông quan hàng hoá xuất nhập khẩu; tập trung đàm phán về nâng cấp, mở chính thức các cửa khẩu trên địa bàn theo hướng thống nhất quy hoạch chung, cùng phát huy lợi thế vị trí địa lý của hai địa phương trong kết nối với các nước ASEAN.

- Phát triển du lịch trở thành động lực tăng trưởng kinh tế quan trọng, ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh vào năm 2030. Xây dựng điểm đến mới, sản phẩm mới phù hợp với xu thế, chú trọng đến những yếu tố đặc trưng, riêng biệt, trong đó ưu tiên xây dựng các sản phẩm du lịch biên giới, du lịch gắn với Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Lạng Sơn; khai thác hợp lý các giá trị địa chất, cảnh quan, văn hóa phục vụ phát triển du lịch bền vững. Tập trung nâng cấp, phát triển các nhóm sản phẩm du lịch chủ đạo gồm: du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; du lịch văn hóa, tín ngưỡng; du lịch cửa khẩu; du lịch MICE (hội thảo, hội nghị, hội chợ, triển lãm...); các sự kiện văn hóa, thể thao và các nhóm sản phẩm du lịch bổ trợ như du lịch mạo hiểm, du lịch gắn với kinh tế đêm,...

- Tập trung nguồn lực phát triển hạ tầng dịch vụ theo hướng đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là các dự án trọng điểm như Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn, cảng cạn (ICD), Khu trung chuyển hàng hóa giai đoạn 2, Khu chế xuất 1 và các khu chức năng khác thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn. Phát triển hạ tầng thương mại biên giới hiện đại, gắn với mô hình “cửa khẩu thông minh”, đồng bộ giữa giao thông - logistics - thương mại - dịch vụ.

- Thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực dịch vụ, nhất là các lĩnh vực như thông quan hàng hóa; quản lý chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, thương mại điện tử; quản lý du lịch; cung ứng các dịch vụ y tế, giáo dục, tài chính - ngân hàng... trực tuyến.

- Đẩy mạnh liên kết vùng, liên kết quốc tế trong phát triển các ngành dịch vụ, nhất là liên kết với các địa phương lân cận như Bắc Ninh, Thái Nguyên, Cao Bằng, Quảng Ninh và Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc.

c) Phát triển kinh tế cửa khẩu và Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn

- Phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn thành trung tâm kinh tế cửa khẩu hiện đại, năng động, trung tâm dịch vụ cửa khẩu và hậu cần logistics quốc gia và quốc tế; là cầu nối quan trọng kết nối Việt Nam, ASEAN với thị trường Trung Quốc, là một trong những trung tâm du lịch, thương mại, dịch vụ trọng điểm của tỉnh và vùng Đông Bắc, là nơi ứng dụng công nghệ sạch trong sản xuất, kinh doanh, vận tải gắn với phát triển bền vững và đảm bảo môi trường sinh thái.

- Phát triển đồng bộ hệ thống các khu thương mại, kho bãi, vận tải đường bộ, đường sắt, các loại hình dịch vụ, hậu cần, trung tâm logistics chất lượng cao,

hiện đại, có quy mô lớn phục vụ hoạt động xuất nhập khẩu gắn với kinh tế cửa khẩu.

- Hình thành Khu thương mại tự do và Khu hợp tác kinh tế qua biên giới khi đảm bảo các điều kiện theo quy định.

- Tiếp tục phát triển 10 cửa khẩu, trong đó tập trung phát triển 05 cửa khẩu/lối thông quan, đường chuyên dụng: (i) Cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị phát triển trở thành cửa khẩu kiểu mẫu ứng dụng công nghệ cao, cửa khẩu thông minh, là “mô hình điển hình” cho vận tải đường bộ của Việt Nam; (ii) Cửa khẩu quốc tế Ga đường sắt Đồng Đăng hướng tới cung cấp chính các dịch vụ logistics và các dịch vụ hỗ trợ thông minh, hiện đại; (iii) Nâng cấp cặp cửa khẩu song phương Chi Ma (Việt Nam) - Ai Diễm (Trung Quốc) thành cửa khẩu quốc tế và lối thông quan Co Sa (Việt Nam) - Nà Ủ (Trung Quốc) thuộc cặp cửa khẩu này; (iv) Nâng cấp cặp cửa khẩu Bình Nghi (Việt Nam) - Bình Nhi Quan (Trung Quốc) thành cửa khẩu song phương; (v) Lối thông quan/đường chuyên dụng vận chuyển hàng hoá khu vực mốc 1088/2-1089 và khu vực mốc 1090-1091 phát triển theo hướng trở thành trung tâm chế xuất nông sản và tiêu thụ hàng nông sản cho Việt Nam, các nước ASEAN và Trung Quốc thông qua sàn giao dịch nông sản.

d) Phát triển ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản

- Khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh để phát triển ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản, nhất là các lĩnh vực cây ăn quả, sản xuất và chế biến gỗ, dược liệu; định hướng hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp, dược liệu tập trung, gắn với các hoạt động sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản và dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông, lâm nghiệp tại các vùng sản xuất; đồng thời đẩy mạnh ứng dụng khoa học, kỹ thuật để phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa.

- Chuyển đổi mô hình tăng trưởng, chuyển tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp. Đẩy mạnh quá trình tích tụ đất đai, sản xuất nông nghiệp hàng hóa gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp, bền vững, tạo sản phẩm sạch, an toàn, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, gắn với phát triển kinh tế đồi rừng; trên cơ sở tổ chức không gian sản xuất tập trung, hình thành kết cấu hạ tầng dùng chung phục vụ sản xuất – sơ chế – bảo quản – chế biến theo chuỗi giá trị, nâng cao đời sống nhân dân, thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn và thành thị. Duy trì ổn định sản xuất nông nghiệp để đảm bảo an ninh lương thực, an sinh xã hội.

- Ưu tiên nguồn lực để thực hiện các chương trình, dự án, đề án; đẩy mạnh xã hội hóa, hợp tác, liên kết trong sản xuất, thu hút tối đa nguồn lực trong cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân; từ đó thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo hướng hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, trên cơ sở phát huy các lợi thế so sánh của từng vùng trên địa bàn tỉnh. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tri thức hoá người nông dân, đào tạo kỹ năng quản trị kinh doanh, kỹ thuật hiện đại cho nông dân; phát triển đội ngũ khuyến nông cộng đồng.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh trong nông nghiệp; khai thác tốt các điều kiện thuận lợi trong hội nhập kinh tế quốc tế và cuộc Cách mạng

công nghiệp 4.0, đổi mới sáng tạo cho phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Ưu tiên thúc đẩy phát triển một số chuỗi sản phẩm nông nghiệp đặc trưng, đặc hữu, chất lượng cao theo chuỗi giá trị gắn với các vùng sản xuất tập trung và liên kết vùng nguyên liệu.

2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

a) Dân số, lao động, việc làm

Đẩy mạnh công tác dân số theo hướng chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển. Giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về quy mô dân số, cơ cấu dân số, phân bố, chất lượng dân số trong mối quan hệ tác động qua lại với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Sớm đạt và duy trì vững chắc mức sinh thay thế; đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số; phân bố dân số hợp lý; nâng cao chất lượng dân số cả về thể chất, trí tuệ và tinh thần, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhanh và bền vững.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo nghề theo định hướng phát triển của tỉnh. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, kỹ thuật, du lịch, công nghiệp công nghệ cao... đặc biệt là công nhân lành nghề bậc cao cho các khu, cụm công nghiệp, các ngành dịch vụ và lao động xuất khẩu; quan tâm đào tạo lại lực lượng lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới công nghệ và tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0. Đẩy mạnh việc chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm số lao động nông nghiệp, tăng số lao động ở khu vực phi nông nghiệp.

b) An sinh xã hội

Thực hiện hiệu quả “Chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2035” gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh khu vực biên giới và thực hiện đầy đủ chính sách đối với các đối tượng có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là đồng bào sinh sống ở vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa. Cải thiện sinh kế và nâng cao chất lượng cuộc sống, đảm bảo an sinh xã hội, tăng thu nhập của người nghèo. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm.

c) Y tế

Phát triển hệ thống y tế theo hướng công bằng, hiện đại và chất lượng; đảm bảo phát triển cân đối, hài hòa giữa lĩnh vực khám chữa bệnh và phục hồi chức năng với lĩnh vực y tế dự phòng, nâng cao sức khỏe và chăm sóc sức khỏe ban đầu theo nguyên lý y học gia đình. Gắn y tế chuyên khoa, chuyên sâu với y tế phổ cập, kết hợp hài hòa giữa phòng bệnh với phục hồi chức năng, giữa y học cổ truyền với y học hiện đại. Phát triển hệ thống bảo hiểm y tế toàn dân. Củng cố, phát triển hệ thống các bệnh viện, cơ sở y tế chất lượng cao; nâng cao hiệu quả hoạt động của các trạm y tế cấp xã. Xây dựng hệ thống y tế dự phòng và kiểm

soát bệnh tật đồng bộ, đủ năng lực dự báo, kiểm soát bệnh tật. Xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ y tế đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân; nâng cao chất lượng dân số.

d) Giáo dục - đào tạo và giáo dục nghề nghiệp

Phát triển toàn diện, bền vững giáo dục - đào tạo, đặc biệt chú trọng các chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận giáo dục, giảm tỷ lệ và tiến đến xóa mù chữ. Quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị cho hệ thống trường học các cấp, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy ở các trường học, đa dạng các loại hình giáo dục, đào tạo, dạy nghề. Chuẩn hóa đội ngũ giáo viên các cấp, đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu và đáp ứng yêu cầu về nghiệp vụ chuyên môn; hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học, phát triển mạng lưới đào tạo theo quy hoạch được duyệt. Giáo dục nghề nghiệp cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh.

đ) Văn hóa, thể dục, thể thao, báo chí, phát thanh truyền hình

Tiếp tục đẩy mạnh công tác bảo tồn, kế thừa và phát huy các giá trị tốt đẹp của văn hóa các dân tộc; đảm bảo thiết chế văn hóa, thể thao cơ bản đáp ứng Chiến lược phát triển văn hóa Việt Nam đến năm 2030. Tu bổ, bảo tồn các di tích, phát huy giá trị văn hóa phi vật thể, lễ hội, nghệ thuật trình diễn dân gian; gắn kết chặt chẽ giữa văn hóa với thể thao và du lịch. Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động văn hóa. Chú trọng tổ chức các hoạt động văn hóa cơ sở; đẩy mạnh thực hiện phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, thực hiện nếp sống văn minh. Phát triển đa dạng, đồng bộ các ngành công nghiệp văn hóa một cách bền vững, ứng dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại; xây dựng các sản phẩm, dịch vụ văn hóa có thương hiệu, uy tín trong khu vực và quốc tế.

Phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng, đẩy mạnh hoạt động thể dục thể thao trường học. Tập trung đầu tư nâng cao chất lượng một số môn thể thao thành tích cao có thế mạnh của địa phương.

Nâng cao năng lực hoạt động, chất lượng dịch vụ của các đơn vị, cơ sở hoạt động trong lĩnh vực thông tin và truyền thông. Nâng cao hiệu quả hoạt động báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, thông tin đối ngoại đáp ứng nhu cầu tiếp cận, sử dụng thông tin của người dân, tạo đồng thuận xã hội, quảng bá hình ảnh con người và văn hóa Lạng Sơn năng động, thân thiện, là điểm đến tin cậy của bạn bè trong nước và quốc tế, qua đó tạo niềm tin, sức hút của các nhà đầu tư, du khách đến với Lạng Sơn.

e) Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Ưu tiên hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ, các nhiệm vụ có khả năng triển khai nhanh, gắn với doanh nghiệp và thị trường. Ưu tiên lĩnh vực có tiềm năng đổi mới cao và khả năng lan tỏa, phù hợp với thế mạnh phát triển của tỉnh: logistics, y dược, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ bảo quản, chế biến nông sản. Thúc đẩy chuyển đổi số trên các lĩnh vực;

khuyến khích ứng dụng công nghệ số, công nghệ mới trong sản xuất, quản lý và cung cấp dịch vụ công. Phát triển và nâng cao năng lực hệ thống tiêu chuẩn, đo lường, thử nghiệm, chứng nhận đồng bộ với trình độ công nghệ, tạo nền tảng hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua các rào cản kỹ thuật trong thương mại, đưa sản phẩm đổi mới sáng tạo ra thị trường.

Phát triển lĩnh vực thông tin và truyền thông, chuyên đổi số đồng bộ trên bốn trụ cột: Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và cửa khẩu số. Tiếp tục tạo môi trường thuận lợi cho chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số để tăng cường tương tác giữa người dân với chính quyền.

h) Quốc phòng, an ninh và đối ngoại

Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện; tăng cường khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, không để bị động, bất ngờ và xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, không để trở thành “điểm nóng” về an ninh, trật tự, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; chủ động thực hiện hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế, xây dựng vùng biên giới xanh, hòa bình, hữu nghị.

3. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội

Các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh Lạng Sơn được định hướng phát triển theo mô hình: 01 trục phát triển, 02 hành lang kinh tế và 03 vùng kinh tế - xã hội.

a) 01 trục phát triển:

Trục phát triển kinh tế Đồng Đăng - Hữu Lũng gắn với hành lang kinh tế Bắc - Nam hình thành trên cơ sở tuyến cao tốc từ cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị qua đô thị Lạng Sơn, các xã Chi Lăng, Quan Sơn, Chiến Thắng, Nhân Lý, Bằng Mạc, Vạn Linh, Hữu Lũng, Tuấn Sơn, Tân Thành, Vân Nham, Thiện Tân, Yên Bình, Hữu Liên, Cai Kinh, kết nối với tỉnh Bắc Ninh và Thủ đô Hà Nội. Đây là trục phát triển động lực và kết nối phát triển kinh tế - xã hội quan trọng nhất của tỉnh, là trục trung tâm của vùng kinh tế động lực, nơi tập trung phát triển kinh tế cửa khẩu, kinh tế đô thị, du lịch, công nghiệp...

b) 02 hành lang kinh tế:

(1) Hành lang kinh tế đô thị Lạng Sơn – Thất Khê, hình thành trên cơ sở tuyến QL.4A, cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh, kết nối Lạng Sơn với tỉnh Cao Bằng. Trên tuyến hành lang kinh tế này phát triển các lĩnh vực thương mại, công nghiệp, nông - lâm nghiệp và du lịch của vùng kinh tế phía Tây tỉnh Lạng Sơn. Tuyến hành lang kinh tế này tăng cường kết nối và nâng cao vị thế kết nối vùng cho tỉnh Lạng Sơn; đồng thời, hỗ trợ các hoạt động xuất nhập khẩu qua cửa khẩu Trà Lĩnh (Cao Bằng) và các cửa khẩu của Lạng Sơn, thúc đẩy phát triển kinh tế thương mại xuyên biên giới cũng như góp phần hình thành tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây kết nối Cao Bằng - Lạng Sơn - Quảng Ninh - Hải Phòng.

(2) Hành lang kinh tế đô thị Lạng Sơn - đô thị Na Dương kết nối với Tiên Yên (Quảng Ninh), hình thành trên cơ sở Quốc lộ 4B, tuyến Cao tốc Lạng Sơn -

Quảng Ninh kết nối với cao tốc Hạ Long - Vân Đồn. Đây là tuyến hành lang quan trọng của tiểu vùng phía Đông, trên tuyến hành lang kinh tế này tập trung phát triển năng lượng; các dịch vụ thương mại, du lịch, vận tải - logistics; thúc đẩy các vùng sản xuất nông - lâm nghiệp của vùng kinh tế phía Đông của tỉnh.

c) 03 vùng kinh tế - xã hội

- Vùng kinh tế động lực gồm đô thị Lạng Sơn, xã Đồng Đăng, xã Hữu Lũng, xã Chi Lăng, xã Tuấn Sơn, xã Tân Thành, xã Vân Nham, xã Cai Kinh, xã Quan Sơn, xã Chiến Thắng, xã Nhân Lý, xã Bằng Mạc, xã Vạn Linh, xã Thiện Tân, xã Yên Bình, xã Hữu Liên.

+ Là cửa ngõ quan trọng nhất kết nối giao lưu phát triển kinh tế - xã hội giữa Việt Nam và Trung Quốc trên hành lang kinh tế Nam Ninh - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; là đầu mối giao thông của quốc gia, của tỉnh với tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, Chi Lăng - Cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, Đồng Đăng - Trà Lĩnh, tuyến cao tốc Lạng Sơn - Tiên Yên, tuyến đường sắt khổ tiêu chuẩn Hà Nội - Đồng Đăng và các tuyến quốc lộ quan trọng của quốc gia như các quốc lộ 1, 1B, 4A, 4B, 279...

+ Là vùng động lực phát triển kinh tế của tỉnh; vùng không gian trọng điểm về phát triển công nghiệp, đô thị, dịch vụ gắn với kinh tế cửa khẩu; là đầu mối giao lưu, liên kết, hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lạng Sơn nói riêng và khu vực Đông Bắc nói chung. Định hướng phát triển vùng kinh tế động lực này tập trung vào các lĩnh vực: kinh tế cửa khẩu, kinh tế đô thị, dịch vụ logistics và vận tải, thương mại, du lịch, công nghiệp chế biến chế tạo,...

+ Hình thành 02 cực tăng trưởng chính:

(1) Đô thị Lạng Sơn là cực tăng trưởng động lực phía Bắc gắn với Khu Kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng – Lạng Sơn, là đô thị dịch vụ đa ngành, đa lĩnh vực, với vai trò là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, y tế, giáo dục, khoa học kỹ thuật của tỉnh. Hướng đến xây dựng đô thị Lạng Sơn không chỉ có vai trò động lực, thúc đẩy phát triển kinh tế trong tỉnh mà trở thành một trung tâm đô thị động lực của vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

(2) Đô thị Hữu Lũng trở thành cực tăng trưởng động lực phía Nam tỉnh, là đô thị cửa ngõ trung tâm công nghiệp, dịch vụ quan trọng của tỉnh, có vai trò liên kết giao lưu và lan tỏa cộng hưởng phát triển kinh tế giữa tỉnh Lạng Sơn với tỉnh Bắc Ninh, Thủ đô Hà Nội, vùng Đồng bằng Sông Hồng và vùng Bắc Trung Bộ.

- Vùng kinh tế phía Đông gồm các xã Lộc Bình, Mẫu Sơn, Na Dương, Lợi Bắc, Thống Nhất, Xuân Dương, Khuất Xá, Đình Lập, Thái Bình, Châu Sơn, Kiên Mộc, trong đó Na Dương, Lộc Bình định hướng phát triển thành đô thị loại III.

Vùng là cửa ngõ phía Đông của tỉnh Lạng Sơn, khu vực phát triển nông, lâm nghiệp, cung ứng nguồn nguyên liệu nông lâm sản cho ngành công nghiệp chế biến; là một trong những trọng điểm du lịch của vùng Trung du miền núi phía Bắc và cả nước; có tiềm năng phát triển công nghiệp năng lượng.

Đến năm 2030, trên địa bàn vùng tập trung phát triển công nghiệp khai

khoáng (than), nhiệt điện, năng lượng tái tạo (đặc biệt là điện gió), công nghiệp chế biến nông, lâm sản. Đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ trong đó tập trung phát triển dịch vụ logistics, kho bãi,... gắn với hành lang Quốc lộ 4B, cao tốc Lạng Sơn - Tiên Yên.

Phát triển vùng trở thành trung tâm dịch vụ, công nghiệp phía Đông của tỉnh gắn với phát triển Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn trở thành động lực phát triển kinh tế của tỉnh. Đa dạng hóa các loại hình sản phẩm du lịch như: du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, tham quan danh thắng thiên nhiên, vui chơi giải trí, thể thao, du lịch tham quan tuyến biên giới; đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và dịch vụ khu cửa khẩu Chi Ma với các hoạt động thương mại, kho bãi, vận tải hàng hoá,...

Về nông, lâm nghiệp, phát huy thế mạnh về đất lâm nghiệp gắn với phát triển có hiệu quả các dự án trồng rừng. Phát triển và nâng cao hiệu quả sản xuất nông, lâm nghiệp với các vùng sản xuất tập trung đã có như vùng chè, vùng thông. Đồng thời định hướng phát triển nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao, gắn với tổ chức không gian sản xuất tập trung và hình thành các khu, vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô phù hợp, trong đó chú trọng phát triển các mô hình trồng dược liệu ứng dụng công nghệ cao, tập trung nghiên cứu, phát triển các giống dược liệu mới, khai thác hợp lý nguồn gen mới, phù hợp với điều kiện sinh thái từng khu vực. Từng bước hình thành các mô hình sản xuất gắn với sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, đóng vai trò hạt nhân liên kết vùng nguyên liệu trên địa bàn các xã phía Đông của tỉnh, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế nông nghiệp và tổ chức không gian sản xuất của vùng.

Chú trọng phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm an ninh biên giới, bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ quốc gia; xây dựng biên giới phát triển, hòa bình, hữu nghị.

- Vùng kinh tế phía Tây gồm các xã Văn Quan, Điềm He, Yên Phúc, Tri Lễ, Khánh Khê, Tân Đoàn, Bình Gia, Tân Văn, Hồng Phong, Hoa Thám, Quý Hòa, Thiện Hòa, Thiện Thuật, Thiện Long, Bắc Sơn, Hưng Vũ, Vũ Lăng, Nhất Hoà, Vũ Lễ, Tân Tri, Na Sầm, Văn Lăng, Hội Hoan, Thụy Hùng, Hoàng Văn Thụ, Thất Khê, Đoàn Kết, Tân Tiến, Trảng Định, Quốc Khánh, Kháng Chiến, Quốc Việt.

Đây là vùng trọng tâm phát triển nông, lâm nghiệp của tỉnh gắn với công nghiệp chế biến nông lâm sản; ưu tiên phát triển kinh tế xanh, năng lượng tái tạo; là vùng đệm, vùng cung cấp nguyên, vật liệu hỗ trợ cho vùng kinh tế động lực; phát triển công viên địa chất toàn cầu, thương mại, dịch vụ, du lịch gắn với kinh tế nông nghiệp, nông thôn và kinh tế cửa khẩu.

Đến năm 2030, trên địa bàn vùng tập trung phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng bền vững gắn với các vùng sản xuất hàng hóa tập trung có giá trị kinh tế cao như: thạch đen, hồi, quế, cây có múi... Phát triển các cụm công nghiệp gắn với các vùng sản xuất, ưu tiên phát triển kinh tế xanh, năng lượng tái tạo.

Đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ gắn với kinh tế cửa khẩu, hành lang Quốc lộ 4A, cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh, cao tốc Lạng Sơn - Thái Nguyên.

Phát triển vùng kinh tế phía Tây trở thành một trong những trọng điểm du lịch của tỉnh. Phát triển đa dạng các loại hình du lịch, nhất là du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm, du lịch trải nghiệm văn hóa cộng đồng gắn với khai thác hiệu quả các di tích lịch sử văn hóa và đời sống cư dân bản địa. Phát triển các tuyến du lịch kết nối giữa Lạng Sơn và các khu, điểm du lịch trong khu vực trong vùng. Ưu tiên ổn định kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, từng bước nâng cao mức sống dân cư.

Chú trọng phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm an ninh biên giới, bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ quốc gia; xây dựng biên giới phát triển, hòa bình, hữu nghị.

IV. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN

1. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị

Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển hệ thống đô thị hài hòa, phù hợp với tiềm năng, lợi thế của từng đô thị, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả đất đai.

Đến năm 2030, toàn tỉnh có 13 đô thị gồm: Đô thị Lạng Sơn là đô thị loại II (gồm các phường Tam Thanh; Lương Văn Tri; Kỳ Lừa, Đông Kinh); 12 đô thị loại III (Đồng Đăng, Văn Quan, Hữu Lũng, Chi Lăng, Đình Lập, Nông trường Thái Bình, Bình Gia, Bắc Sơn, Na Sầm, Thất Khê, Lộc Bình, Na Dương). Định hướng hình thành các phường mới từ các xã Đồng Đăng, Chi Lăng, Lộc Bình, Hữu Lũng khi đáp ứng các điều kiện theo quy định.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

2. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

Đầu tư xây dựng, phát triển các khu dân cư nông thôn, cải thiện điều kiện vật chất cho người dân, gắn với các vùng sản xuất nông nghiệp và bảo đảm chủ động phòng, chống thiên tai. Di dời các khu dân cư ở vùng khó khăn, vùng thường xuyên bị thiên tai hoặc có nguy cơ cao xảy ra sạt lở, lũ quét về khu quy hoạch mới. Huy động các nguồn lực xã hội để xây dựng các điểm dân cư nông thôn, các trung tâm xã theo hướng văn minh, hiện đại đáp ứng tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Phát triển khu dân cư nông thôn phù hợp với điều kiện và đặc trưng văn hóa, tập quán của từng khu vực. Kết hợp không gian văn hóa truyền thống của địa phương với thiết chế văn hóa, xã hội, xây dựng đời sống văn minh. Bảo tồn và phát triển không gian văn hóa nông thôn kết hợp với phát triển du lịch, dịch vụ thương mại.

Phân bổ hệ thống các điểm dân cư nông thôn gắn với các vùng sản xuất tập trung kết hợp với du lịch. Xây dựng các điểm dân cư nông thôn mới, các khu vực tái định cư trên cơ sở kế thừa, gắn kết và phát triển, mở rộng các khu vực dân cư hiện có, bảo đảm phù hợp với điều kiện tự nhiên, hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội, tiềm năng, lợi thế cạnh tranh và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

Thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2026 - 2030 theo Phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lạng Sơn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG

1. Phương án phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn

Nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh quy mô, ranh giới và các khu chức năng của Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn phù hợp với mục tiêu và định hướng phát triển không gian của tỉnh trong thời kỳ mới, tạo động lực quan trọng cho đô thị hóa, gắn phát triển khu kinh tế với đô thị Lạng Sơn mở rộng để hướng tới hình thành một cực tăng trưởng mới của vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

Tập trung nguồn lực đầu tư hoàn thiện các khu phi thuế quan, khu trung chuyển hàng hoá, khu chế xuất, các khu vực cửa khẩu, cửa khẩu thông minh, các trung tâm đầu mối dịch vụ, thương mại, logistics và các khu chức năng khác của Khu kinh tế cửa khẩu theo quy hoạch.

2. Phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp

Các khu công nghiệp được bố trí tại các xã có vị trí thuận lợi về giao thông và điều kiện địa hình, quỹ đất phát triển, tập trung tại các xã Hữu Lũng, Chi Lăng, Tuấn Sơn, Tân Thành, Thiện Tân, Na Dương, Đình Lập, Lộc Bình. Đến năm 2030 toàn tỉnh có 08 khu công nghiệp, sau năm 2030 có thêm 11 khu công nghiệp.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

3. Phương án phát triển cụm công nghiệp

Đến năm 2030 toàn tỉnh có 28 cụm công nghiệp, sau năm 2030 thu hút đầu tư, xây dựng thêm 13 cụm công nghiệp khi được bổ sung chỉ tiêu quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất, đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về cụm công nghiệp.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

4. Phương án phát triển khu du lịch

Tập trung phát triển các khu du lịch bao gồm: Đầu tư Khu Du lịch Mẫu Sơn phát triển thành Khu du lịch quốc gia; các khu du lịch cấp tỉnh và một số khu du lịch tiềm năng khi đủ điều kiện. Phát triển đa dạng các loại hình du lịch tại Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Lạng Sơn gắn với tổ chức các sự kiện văn hóa, thể thao lớn. Thu hút đầu tư phát triển các khu du lịch kết hợp dịch vụ nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, sân golf.

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)

5. Phương án phát triển ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông nghiệp hàng hóa gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp, bền vững, tạo sản phẩm sạch, an toàn, gắn với phát triển kinh tế đồi rừng; nâng cao đời sống nhân dân, thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn và thành thị. Tập trung chuyển đổi mô hình tăng trưởng, chuyển

tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp. Duy trì ổn định sản xuất nông nghiệp để đảm bảo an ninh lương thực, an sinh xã hội, tập trung đẩy mạnh quá trình tích tụ đất đai, sản xuất nông nghiệp hàng hóa gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Ưu tiên nguồn lực để thực hiện các chương trình, dự án, đề án; đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút tối đa nguồn lực trong cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân; từ đó thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo hướng hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, trên cơ sở phát huy các lợi thế so sánh của từng vùng trên địa bàn tỉnh.

Khai thác tốt các điều kiện thuận lợi trong hội nhập kinh tế quốc tế và cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, đổi mới sáng tạo cho phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế, thích ứng với biến đổi khí hậu, trên cơ sở phát huy các lợi thế so sánh của từng vùng trên địa bàn tỉnh, chuyển mạnh sang sản xuất hàng hóa có chất lượng và giá trị gia tăng cao, bền vững gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

6. Phương án phát triển quốc phòng, an ninh

Các khu quân sự, an ninh: Đảm bảo tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất do cấp có thẩm quyền phân bổ. Việc bố trí xây dựng các công trình quốc phòng, an ninh trên địa bàn được thực hiện theo các quy hoạch xây dựng và các quy hoạch khác có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Bố trí, xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự cấp xã; trụ sở các đơn vị công an, cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đảm bảo thuận tiện về giao thông, nguồn nước, thông tin liên lạc và đáp ứng các quy định hiện hành.

7. Phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn

Thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia và các chính sách dành cho đối tượng thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn; chú trọng thực hiện các chính sách khuyến nông, khuyến lâm, khuyến khích sản xuất, hình thành chuỗi liên kết phát triển kinh tế bền vững và mở rộng ra các thị trường ngoài tỉnh; hình thành và phát triển vùng chuyên canh, vùng nguyên liệu có quy mô phù hợp, gắn với phát triển du lịch.

Đầu tư xây dựng, kiên cố hóa, nâng cấp mạng lưới giao thông nông thôn, kết nối liên thông với các trục đường tỉnh, quốc lộ; xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu như thủy lợi, hệ thống trữ và cấp nước, cấp điện, trường, lớp học, y tế, hạ tầng viễn thông phục vụ sản xuất và sinh hoạt; quan tâm triển khai thực hiện các dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư.

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

a) Phương án phát triển hạ tầng giao thông quốc gia, kết nối quốc tế

- Đường bộ: Phát triển hạ tầng giao thông quốc gia theo quy hoạch, các đoạn đi qua khu đô thị xây dựng các tuyến đường tránh hoặc mở rộng phù hợp với quy hoạch đô thị, các vị trí giao cắt đường sắt nghiên cứu phương án xây

dựng cầu vượt hoặc hầm chui để đảm bảo an toàn giao thông, xây dựng các trạm dừng nghỉ trên tuyến. Kiến nghị thu hút đầu tư giao thông kết nối liên vùng (Cao tốc Bắc - Nam phía Đông, CT.01; Cao tốc Lạng Sơn - Tiên Yên, CT.10; Cao tốc Lạng Sơn - Thái Nguyên). Quốc lộ: Đầu tư, nâng cấp và hoàn thiện 07 tuyến hiện hữu và 01 tuyến mới.

- Đường sắt: Thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050: Tuyến đường sắt Hà Nội - Đồng Đăng từ ga Gia Lâm (thành phố Hà Nội) qua Đồng Đăng (Lạng Sơn) đến điểm nối ray đường sắt biên giới Việt Nam - Trung Quốc: đường đôi, khổ 1435 mm, chiều dài khoảng 156 km; nghiên cứu đầu tư trước năm 2030.

- Đường thủy: Phát triển đường thủy nội địa địa phương theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông cấp tỉnh

Tập trung nguồn lực đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại tạo thành mạng lưới giao thông liên hoàn, kết nối thuận tiện, nhanh chóng với các tỉnh trong vùng, giữa vùng với cả nước và quốc tế.

- Đường tỉnh: Nâng cấp, cải tạo tuyến đường tỉnh hiện hữu; phát triển tuyến đường tỉnh mới và các tuyến tránh quốc lộ.

- Đường tuần tra biên giới: Hoàn thành nối thông các đoạn trên địa bàn các xã biên giới; mở rộng các đoạn hẹp của tuyến đường tuần tra biên giới, kết hợp mục tiêu quốc phòng và đảm bảo an sinh cho nhân dân vùng biên giới. Cải tạo, xây dựng các nút giao, đường nhánh kết nối với các đường tỉnh và đầu tư phát triển một số đường tỉnh, đường xã kết nối với tuyến đường tuần tra biên giới.

- Đầu tư xây dựng các tuyến đường vành đai, trục đô thị, trục khu kinh tế cửa khẩu theo quy hoạch đô thị Lạng Sơn, quy hoạch Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn và quy hoạch khác theo quy định.

- Mở rộng, nâng cấp kỹ thuật các tuyến đường giao thông nông thôn; cơ bản hoàn thành việc sửa chữa, thay thế 100% cầu yếu trên các tuyến đường tỉnh; xây dựng cầu dân sinh thay thế các bến đò tự phát để đảm bảo giao thông thông suốt và đảm bảo an toàn cho việc đi lại trong mùa mưa lũ...

(Chi tiết tại Phụ lục V kèm theo)

c) Công trình hạ tầng giao thông khác

Quy hoạch hệ thống bến xe khách đảm bảo các cụm xã đều có bến xe, tối thiểu cấp IV. Đầu tư xây dựng bến xe, điểm đỗ xe buýt, trạm trung chuyển hành khách, bãi đỗ xe theo các tuyến giao thông, kết nối các cửa khẩu, đô thị, khu, cụm công nghiệp, tuyến du lịch ...

Quy hoạch, thu hút đầu tư các trạm dừng nghỉ trên các tuyến cao tốc đồng bộ với lộ trình đầu tư xây dựng các tuyến đường bộ cao tốc, phù hợp với quy hoạch. Ưu tiên thu hút đầu tư các trạm dừng nghỉ trên tuyến cao tốc và các trạm dừng nghỉ khác trên các tuyến quốc lộ.

Xây dựng cảng cạn Yên Trạch, cảng cạn Tân Thanh, cảng cạn Na Dương, cảng cạn Đồng Đăng tại Khu trung chuyển hàng hóa thuộc Khu Kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn theo quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đầu tư khu trung chuyển hàng hoá gắn với cảng cạn và trung tâm logistics.

(Chi tiết tại Phụ lục VI kèm theo)

2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện

Phát triển mạng lưới cấp điện phù hợp với quan điểm, mục tiêu, định hướng, phương án phát triển nguồn điện, lưới điện theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cấp có thẩm quyền phê duyệt, gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của vùng và của tỉnh. Thực hiện đầu tư và cải tạo lưới điện, từng bước hình thành lưới điện truyền tải thông minh. Ưu tiên nguồn điện phục vụ cho sản xuất và cho các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Phát triển các nguồn điện trên cơ sở phát huy tiềm năng sẵn có của địa phương, phù hợp với Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, gồm thủy điện nhỏ, nhiệt điện than và đặc biệt là năng lượng tái tạo như điện sinh khối, điện rác, điện gió; đưa Lạng Sơn trở thành trung tâm năng lượng tái tạo của vùng Trung du miền núi phía Bắc.

Xây dựng phương án cải tạo, nâng công suất và xây dựng mới các trạm biến áp 110kV và các tuyến đường dây 110 kV, lưới điện trung, hạ áp; xây dựng công trình điện lực đầu nối các nhà máy điện vào hệ thống điện; xây dựng phát triển hệ thống lưu trữ điện (BESS); tăng công suất cấp điện và đầu tư nâng cao độ ổn định, độ tin cậy của hệ thống truyền tải điện.

(Chi tiết tại Phụ lục VII kèm theo)

3. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước, thoát nước

Duy trì, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công trình thủy lợi hiện có. Đầu tư xây dựng đồng bộ, hiện đại, đa mục tiêu; hoàn thiện các công trình thủy lợi cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt nông thôn. Phát triển công trình thủy lợi ứng dụng công nghệ cao tưới cho cây trồng cạn, cây nông nghiệp có giá trị kinh tế cao. Đầu tư các công trình tích, trữ nước mặt vào mùa mưa điều tiết cấp nước sản xuất, nước sinh hoạt vào mùa khô cho các vùng trọng điểm thiếu nước.

Duy trì, nâng cao hiệu quả hoạt động, nâng cấp hệ thống cấp nước đô thị và nông thôn đáp ứng nhu cầu sản xuất, sinh hoạt, chữa cháy.

Đầu tư xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thu gom nước thải trong toàn tỉnh; từng bước tách riêng hệ thống thu nước thải với hệ thống thu nước mưa tại các khu vực đô thị; xây dựng công trình xử lý nước thải tại các đô thị.

Xây dựng khu xử lý nước thải công nghiệp đồng bộ với kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp.

Khuyến khích xã hội hóa đầu tư xây dựng hạ tầng cấp nước, thoát nước.

(Chi tiết tại Phụ lục VIII kèm theo)

4. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải, nghĩa trang

a) Khu xử lý chất thải

Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cao năng lực tiếp nhận, xử lý của các khu xử lý chất thải cấp tỉnh, khu xử lý cấp xã hiện hữu. Xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn công nghiệp, chất thải rắn nguy hại tại khu, cụm công nghiệp. Chất thải rắn nguy hại và chất thải rắn y tế được thu gom xử lý tại các cơ sở tập trung.

(Chi tiết tại Phụ lục IX kèm theo)

b) Nghĩa trang

Xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng theo quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng nông thôn. Duy trì các nghĩa trang hiện hữu đến khi lấp đầy; di dời đối với các nghĩa trang trong khu vực phát triển đô thị hoặc không đảm bảo yêu cầu về môi trường. Xây dựng nhà tang lễ tại các đô thị đảm bảo tiêu chuẩn về phân loại đô thị. Xây dựng ít nhất 01 cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục X kèm theo)

5. Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy

Bố trí trụ sở và doanh trại lực lượng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ gần khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, khu du lịch, những nơi dễ xảy ra cháy, tai nạn; đảm bảo các yêu cầu về diện tích, liên kết thuận lợi với các tuyến đường giao thông. Đầu tư xây dựng trụ sở, doanh trại các đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tại trung tâm các cụm xã, phường; đầu tư trang bị phương tiện, hệ thống thông tin liên lạc đáp ứng được tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành, phù hợp với nhiệm vụ. Bố trí, thiết lập hệ thống cấp nước chữa cháy phù hợp với yêu cầu phòng cháy chữa cháy tại từng địa bàn.

(Chi tiết tại Phụ lục XI kèm theo)

VII. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương án phát triển mạng lưới y tế và chăm sóc sức khỏe

Xây dựng hạ tầng y tế tỉnh Lạng Sơn từ tuyến tỉnh đến tuyến cơ sở đồng bộ, hiện đại; đảm bảo quỹ đất cho việc mở rộng và xây dựng mới các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập. Khuyến khích đầu tư phát triển các cơ sở y tế ngoài công lập, bao gồm các Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tại các vùng đô thị; các phòng khám đa khoa và các trung tâm chăm sóc sức khỏe tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Tiếp tục đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở khám chữa bệnh và y tế dự phòng, y tế cơ sở theo hướng chuẩn hóa, đồng bộ và hiện đại hóa.

Tập trung đầu tư xây dựng xây dựng Bệnh viện đa khoa tỉnh giai đoạn II, Bệnh viện tâm thần tỉnh, Bệnh viện lão khoa, Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Lạng Sơn; đầu tư nâng cấp bệnh viện phổi; đầu tư nâng cấp các trung tâm y tế

khu vực; phát triển các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tư nhân. Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị y tế cho 100% trạm y tế cấp xã theo chức năng, nhiệm vụ”.

Khuyến khích thu hút đầu tư bệnh viện, trung tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại các khu du lịch, nghỉ dưỡng trên địa bàn tỉnh; bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tư nhân gần các khu đô thị - công nghiệp - dịch vụ.

(Chi tiết tại Phụ lục XII kèm theo)

2. Phương án phát triển hạ tầng giáo dục - đào tạo

Sắp xếp, tổ chức các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên phù hợp với chính quyền địa phương hai cấp và nâng cao chất lượng giáo dục.

Phát triển quy mô, mạng lưới trường trung học phổ thông, trường phổ thông dân tộc nội trú (trung học cơ sở và trung học phổ thông) để đảm bảo nhu cầu của các địa phương. Thành lập mới các trường trung học phổ thông.

Tổ chức lại 05 trường cấp Trung học cơ sở, Trung học Phổ thông tại 05 xã Na Dương, Thiện Thuật, Hội Hoan, Ba Sơn, Chiến Thắng thành các trường liên cấp Trung học cơ sở và Trung học phổ thông

Hoàn thành xây dựng, thành lập 11 Trường Phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở tại các xã biên giới.

Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng của Trường Cao đẳng Lạng Sơn để nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu thực tiễn, phát triển theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực, chuẩn bị các điều kiện để phát triển Trường Cao đẳng Lạng Sơn đến năm 2035 trở thành cơ sở giáo dục đại học phù hợp với Quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Xây dựng mới các trường THPT tại các xã Tuần Sơn, Cai Kinh, Thống Nhất và các phường Kỳ Lừa, Đông Kinh.

Duy trì Trung tâm phát triển giáo dục hoà nhập tỉnh Lạng Sơn nhằm đáp ứng nhu cầu và tạo cơ hội học tập của trẻ em khuyết tật có khả năng đi học.

Đầu tư xây dựng cơ sở mới của Trường Chính trị Hoàng Văn Thụ.

Duy trì, phát huy vai trò của các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên nhằm hỗ trợ phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở và đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên của người dân trên địa bàn.

Tăng cường nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục nghề nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề cho nền kinh tế đang phát triển, có công nghiệp hiện đại.

(Chi tiết tại Phụ lục XIII kèm theo)

3. Phương án phát triển hạ tầng văn hóa, thể dục, thể thao

Đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế công trình văn hóa, thể thao đạt chuẩn để tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao trên địa bàn, đáp ứng nhu cầu sáng

tạo, hưởng thụ các giá trị văn hóa, thể thao của người dân trên địa bàn tỉnh.

Hoàn thành Khu liên hợp thể dục thể thao đa năng cấp tỉnh; xây dựng các công trình thể dục, thể thao cơ bản ở các xã, phường; xây dựng hệ thống sân chơi, bãi tập ở xã, phường, các khu dân cư.

Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa của các dân tộc trên địa bàn tỉnh. Tập trung tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích đã xếp hạng các cấp; bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa phi vật thể đã được ghi danh.

Tăng cường đầu tư của Nhà nước, đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động bảo tồn phát huy giá trị di sản văn hóa, đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

(Chi tiết tại Phụ lục XIV kèm theo)

4. Phương án phát triển hạ tầng thương mại

Phát triển các trung tâm thương mại đa năng, tổng hợp đáp ứng nhu cầu mua sắm kết hợp vui chơi, giải trí; trong đó, tập trung thu hút, đầu tư các dự án: Trung tâm hội chợ triển lãm, trung tâm thương mại, siêu thị, chợ đầu mối, chợ nông thôn, cửa hàng trưng bày và giới thiệu sản phẩm đặc trưng; hạ tầng logistics và các hạ tầng khác phục vụ phát triển du lịch, dịch vụ.

Phát triển hệ thống hạ tầng cung ứng, dự trữ xăng dầu, khí đốt đảm bảo đầy đủ, an toàn, liên tục cho phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng.

(Chi tiết tại Phụ lục XV kèm theo)

5. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng bảo trợ xã hội

Đầu tư cải tạo, nâng cấp, nâng cao hiệu quả của các trung tâm hiện có. Đến năm 2030, toàn tỉnh Lạng Sơn có 04 cơ sở trợ giúp xã hội công lập. Nâng cấp, mở rộng Trung tâm điều dưỡng người có công, cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn.

(Chi tiết tại Phụ lục XVI kèm theo)

6. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ

Đầu tư cải tạo, nâng cấp, nâng cao hiệu quả của các trung tâm hiện có, giữ vai trò hạt nhân trong hệ thống khoa học và công nghệ của tỉnh, thu hút nguồn nhân lực, chủ động liên kết và liên kết có hiệu quả với các cơ quan khoa học và công nghệ trong và ngoài nước. Xây dựng 01 trại thực nghiệm khoa học công nghệ tại đô thị Lạng Sơn.

Thực hiện chuyển đổi số bưu chính bao gồm phát triển hệ sinh thái các nền tảng số bưu chính trong việc tạo và kết nối dữ liệu, ưu tiên trong lĩnh vực thương mại điện tử và chuỗi cung ứng. Phát triển hạ tầng bưu chính số đồng bộ, hiện đại, trở thành hạ tầng quan trọng của nền kinh tế số, của thương mại điện tử và logistics.

Xây dựng tỉnh Lạng Sơn trở thành một trong những tỉnh tiên phong thực hiện chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện trên cả bốn trụ cột: Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và cửa khẩu số. Chuyển từ ứng dụng công nghệ thông tin sang chuyển đổi số trong các hoạt động quản lý điều hành Nhà nước; đảm bảo hầu hết

dịch vụ công trực tuyến được cung cấp dưới dạng toàn trình; sử dụng công nghệ mở, nền tảng mở tạo thành hệ sinh thái phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số; phát triển cửa khẩu số tỉnh Lạng Sơn thành cửa khẩu số thông minh.

Hoàn thiện Trung tâm giám sát, điều hành an toàn thông tin; tất cả hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước được triển khai đầy đủ các giải pháp an toàn thông tin theo hồ sơ cấp độ được phê duyệt. Lạng Sơn duy trì ở nhóm dẫn đầu quốc gia về an toàn thông tin mạng. Phát triển doanh nghiệp công nghệ số, phát triển các sản phẩm số, giải pháp dịch vụ công nghệ số trọng điểm phục vụ xây dựng chính quyền số, đô thị thông minh.

Hoàn thành chuyển đổi số các cơ quan báo chí nòng cốt; tất cả đơn vị cấp xã có hệ thống thông tin truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ số, nền tảng số; tất cả cơ quan hành chính nhà nước sử dụng công/trang thông tin điện tử và mạng xã hội. Nâng cấp hệ thống thông tin đối ngoại ở các cửa khẩu để nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, phục vụ phát triển thương mại, du lịch.

Chuyển đổi hạ tầng viễn thông thành hạ tầng số và phát triển thành hạ tầng quan trọng của chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và cửa khẩu số. Phát triển hạ tầng số trở thành hạ tầng thiết yếu, có dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng, phổ cập, bền vững, xanh, thông minh, mở và an toàn. Thúc đẩy xây dựng chung hạ tầng, sử dụng chung hạ tầng, khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư vào hạ tầng số mới.

VIII. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI

Nguồn lực đất đai phải được điều tra, đánh giá, thống kê, kiểm kê, lượng hóa, hạch toán đầy đủ trong nền kinh tế, được quy hoạch sử dụng hiệu quả, hợp lý, tiết kiệm, bền vững với tầm nhìn dài hạn; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát triển giáo dục, văn hóa, thể thao; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo động lực cho sự phát triển của tỉnh. Đảm bảo việc bố trí sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của tỉnh trên cơ sở chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ.

(Chi tiết tại Phụ lục XVII kèm theo)

IX. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, ĐA DẠNG SINH HỌC, PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh

a) Về phân vùng môi trường

Vùng bảo vệ môi trường được phân thành các vùng theo yếu tố nhạy cảm về môi trường là vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác.

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt: Gồm nội thị của đô thị Lạng Sơn; nguồn nước mặt và các nguồn nước dưới đất; 03 khu bảo tồn thiên nhiên (Khu dự trữ thiên

nhiên Hữu Liên, Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Mẫu Sơn, Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Bắc Sơn); khu vực bảo vệ cấp 1 của di tích lịch sử - văn hóa; các điểm di sản (vùng bảo vệ cấp 1) của Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Lạng Sơn.

- Vùng hạn chế phát thải gồm: Vùng đệm (vùng bảo vệ cấp 2) của các điểm di sản của Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Lạng Sơn; vùng đệm của 03 khu bảo tồn thiên nhiên; các vùng đất ngập nước quan trọng đã được xác định theo quy định của pháp luật; hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; khu dân cư tập trung là các đô thị; khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường khác.

- Vùng khác là những không gian lãnh thổ ngoài hai vùng trên được quản lý theo các quy định pháp luật.

Thực hiện công tác bảo vệ môi trường phù hợp với yêu cầu bảo vệ môi trường của từng phân vùng môi trường.

(Chi tiết tại Phụ lục XVIII kèm theo)

b) Về bảo tồn đa dạng sinh học

Tập trung bảo vệ thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học kết hợp với sử dụng bền vững, phát huy giá trị 03 khu bảo tồn thiên nhiên gồm: Khu dự trữ thiên nhiên Hữu Liên, Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Mẫu Sơn, Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Bắc Sơn và 02 cảnh quan sinh thái quan trọng gồm: Cảnh quan sinh thái quan trọng Hữu Liên - Chi Lăng và Cảnh quan sinh thái quan trọng núi Mẫu Sơn.

Bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên gồm hệ sinh thái rừng nhiệt đới trên núi đá vôi; hệ sinh thái rừng nhiệt đới núi đất; hệ sinh thái trảng cỏ; hệ sinh thái ngập nước trong 07 hệ thống sông chính và 271 hồ chứa, 639 đập dâng các loại. Bảo tồn các hệ sinh thái động thực vật tại tỉnh được xếp vào danh mục các loài quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng.

Phát triển rừng bền vững, bảo đảm duy trì tỷ lệ che phủ rừng ở mức 65%; giảm thiểu tối đa các hoạt động khai thác trái phép tài nguyên thiên nhiên và các đe dọa khác đến đa dạng sinh học.

(Chi tiết tại Phụ lục XIX kèm theo)

c) Về quan trắc chất lượng môi trường

Tiếp tục nâng cao hiệu quả đầu tư, quản lý và vận hành trạm quan trắc môi trường không khí tự động, liên tục tại xã Hồng Phong; xã Hữu Lũng và xã Chi Lăng; trạm quan trắc nước mặt tự động, liên tục tại phường Đông Kinh và Trung tâm điều hành tại phường Tam Thanh cùng với các trạm đo doanh nghiệp đầu tư quản lý; bổ sung các trạm quan trắc môi trường không khí tự động, liên tục đối với các đô thị. Tiếp tục thực hiện chương trình quan trắc chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh với quy mô 163 điểm quan trắc hiện có; bổ sung vào quy hoạch 33 điểm quan trắc.

(Chi tiết tại Phụ lục XX kèm theo)

d) Về phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp

Bảo vệ và phát triển rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng để duy trì nguồn nước, bảo vệ đất, đặc biệt ở những khu vực có nguy cơ xói mòn cao. Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng đảm bảo phát huy hiệu quả chức năng của đường lâm nghiệp.

2. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên

Tăng cường công tác khảo sát, đánh giá chất lượng, trữ lượng khoáng sản, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin dữ liệu tin cậy về địa chất, khoáng sản đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với công tác quản lý tài nguyên khoáng sản trên địa bàn theo quy định của pháp luật; kiểm tra, rà soát, thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp đối với các doanh nghiệp năng lực yếu kém, không thực hiện đúng quy định pháp luật trong quá trình hoạt động. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn.

Phương án địa chất và khoáng sản trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp với các quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của quốc gia và các quy hoạch khác có liên quan. Tiếp tục thực hiện các dự án thăm dò, khai thác khoáng sản đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thực hiện trên địa bàn tỉnh và các quy hoạch còn hiệu lực trong giai đoạn trước, bao gồm 90 mỏ đá xây dựng, 32 điểm mỏ cát sỏi, 52 điểm mỏ đất san lấp, 05 điểm mỏ đất sét, 03 điểm mỏ cát kết.

(Chi tiết tại Phụ lục XXI kèm theo)

Các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh thực hiện theo các quyết định được phê duyệt và quy định của pháp luật hiện hành.

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

a) Phân vùng chức năng nguồn nước

Phân vùng chức năng nguồn nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn với 12 tiểu vùng: Thượng Bắc Khê, Hạ Bắc Khê, Hạ lưu sông Kỳ Cùng, Hạ Bắc Giang, Hữu Bắc Giang, Trung lưu Kỳ Cùng, Đông Cao Lộc, Thượng sông Thương, Thượng Kỳ Cùng, Thượng Lục Nam, Thượng Ba Chẽ, Thượng Tiên Yên.

(Chi tiết tại Phụ lục XXII kèm theo)

b) Phân bổ tài nguyên nước

Ưu tiên phân bổ tài nguyên nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước theo thứ tự: (i) Nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt; (ii) Nhu cầu sử dụng nước cho công nghiệp; (iii) Nhu cầu sử dụng nước cho du lịch, dịch vụ; (iv) Nhu cầu sử dụng nước cho nông nghiệp, thủy sản và các lĩnh vực khác.

c) Công trình điều tiết khai thác, sử dụng và phát triển tài nguyên nước

Trong kỳ quy hoạch xây mới 06 hồ chứa trên các sông Lục Nam, Thương, Trung, Kỳ Cùng, suối Pò Nhùng và suối Cò Riền.

(Chi tiết tại Phụ lục XXIII kèm theo)

d) Bảo vệ tài nguyên nước, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm hoặc bị suy thoái, cạn kiệt

Tập trung thực hiện 03 giải pháp bảo vệ gồm: (i) Bảo vệ nguồn sinh thủy (rừng, sông, suối, ao, hồ, miền cấp nước dưới đất); (ii) Bảo vệ chất lượng nước mặt (các khu đô thị, khu công nghiệp và cụm công nghiệp, khu vực nông thôn); (iii) Bảo vệ chất lượng nước các tầng chứa nước, phục hồi nguồn nước dưới đất bị suy thoái, cạn kiệt.

đ) Phòng, chống, khắc phục, cảnh báo, dự báo và giảm thiểu tác hại do nước gây ra

Giải pháp công trình: Tổ chức duy tu bảo dưỡng, sửa chữa các công trình đã bị xuống cấp, có nguy cơ mất an toàn; gia cố các đoạn bờ sông bị sạt lở, đặc biệt là sông Kỳ Cùng; tổ chức kè bờ cho các đoạn xung yếu; đánh giá các đoạn bờ sông có nguy cơ sạt lở và cắm mốc cảnh báo nguy cơ sạt lở bờ sông.

Giải pháp phi công trình: Tăng cường công tác dự báo, cảnh báo thiên tai, tài nguyên nước; đẩy mạnh trồng rừng; nâng cao năng lực quản lý của Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp; xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước, gắn với cơ sở dữ liệu về môi trường, đất đai bảo đảm tích hợp với hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh, tích hợp với hệ thống thông tin dữ liệu của trung ương.

4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Phân vùng rủi ro đối với các loại hình thiên tai trên địa bàn tỉnh và xác định các khu vực ưu tiên phòng, chống đối với từng loại hình thiên tai

- Vùng có nguy cơ xảy ra lũ quét: Các khu vực đồi núi cao, sườn dốc, bờ sông, suối tại các xã, phường.

- Vùng có nguy cơ xảy ra sạt lở đất: Các khu vực đồi núi cao, sườn dốc, bờ sông, suối tại xã, phường; các tuyến giao thông trên địa bàn tỉnh.

- Vùng bị ảnh hưởng do lũ, ngập lụt tại các lưu vực sông, suối, hồ đập, các khu vực trũng, bao gồm đô thị Lạng Sơn.

b) Phương án quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh

Thường xuyên thực hiện củng cố, tu sửa, tu bổ, nâng cấp và xây dựng các công trình phòng chống thiên tai. Xây dựng hoàn thiện các hệ thống cảnh báo, dự báo thiên tai và giám sát biến đổi khí hậu. Xây dựng, thường xuyên cập nhật cơ sở dữ liệu phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh. Đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ quản lý trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai. Tăng cường phòng ngừa kết hợp với phương châm “4 tại chỗ”; củng cố, nâng cấp

và phát triển thủy lợi nội đồng gắn với xây dựng nông thôn mới. Sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi có sức chống chịu cao với thời tiết khắc nghiệt, dịch bệnh, đáp ứng các phương thức canh tác để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất; phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, áp dụng quy trình sản xuất tiên tiến, hữu cơ để hướng tới nền nông nghiệp hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, đẩy mạnh các hoạt động giảm nhẹ khí nhà kính.

X. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về huy động, sử dụng nguồn lực, thu hút vốn đầu tư

Huy động tổng hợp các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt, dự án tạo động lực lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách huy động nguồn thu để tăng thêm nguồn vốn cho đầu tư phát triển của tỉnh.

Tận dụng hiệu quả lợi thế cửa khẩu quốc tế của tỉnh để thu hút các nguồn vốn đầu tư. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; tinh giản thủ tục hành chính, thiết lập các cơ chế, chính sách tạo thuận lợi cho đầu tư; đổi mới và đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư, tăng cường tiếp xúc, làm việc với các nhà đầu tư chiến lược trong nước và nước ngoài; nhanh chóng hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật, thúc đẩy đào tạo lực lượng lao động có tay nghề cao, đáp ứng được nhu cầu của thị trường, tạo lợi thế trong việc thu hút nguồn đầu tư trực tiếp và gián tiếp từ nước ngoài.

Củng cố và mở rộng hợp tác với các tổ chức tài chính lớn như: Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA)...; đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư, tiếp tục triển khai có hiệu quả các dự án quan trọng tại khu vực cửa khẩu, đô thị Lạng Sơn.

2. Giải pháp về phát triển và cung ứng nguồn nhân lực

Phát triển và cung ứng nguồn nhân lực bảo đảm thực hiện thành công các khâu đột phá phát triển của tỉnh, nhất là nhân lực trong các lĩnh vực chuyển đổi số, chuyển đổi xanh. Có chính sách khuyến khích đào tạo, hỗ trợ cán bộ, công chức tự học để nâng cao trình độ; rà soát các chính sách tuyển dụng, ưu đãi để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao vào làm việc trong hệ thống chính trị và các ngành quan trọng của tỉnh; tiếp tục triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng, chính sách ưu đãi để thu hút nhân tài, chú trọng đội ngũ sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc và loại giỏi trong và ngoài nước để tạo nguồn cán bộ lâu dài. Mở rộng quan hệ đối tác với doanh nghiệp tư nhân và các tổ chức đào tạo để rút ngắn khoảng cách giữa kỹ năng của lực lượng lao động và yêu cầu của người sử dụng lao động; đổi mới phát triển nguồn nhân lực bằng các nền tảng đào tạo ứng dụng kỹ thuật số.

3. Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế xanh theo hướng đổi mới nội dung, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng, vùng

miền; đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động đào tạo, truyền thông về môi trường.

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ đồng bộ trong các lĩnh vực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững. Đổi mới cơ chế tài chính cho các hoạt động khoa học công nghệ tại địa phương. Đẩy mạnh liên kết, hợp tác trong nước và quốc tế về khoa học và công nghệ có trọng tâm, trọng điểm, theo lĩnh vực ưu tiên.

4. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

Thực hiện có hiệu quả cơ chế phối hợp trong thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị và các quy hoạch, chiến lược cấp quốc gia có liên quan; xây dựng cơ chế, chính sách cho việc đầu tư cơ sở hạ tầng liên kết vùng, trong đó chú trọng thu hút đầu tư từ khu vực ngoài nhà nước. Thực hiện chương trình hợp tác với các địa phương; tổ chức các hội nghị xúc tiến đầu tư chung của vùng.

Kết nối kinh tế hiệu quả với Quảng Tây và các địa phương của Trung Quốc; hợp tác hiệu quả với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài để vận động, thu hút các khoản tài trợ, viện trợ, góp phần giảm nghèo, nâng cao dân trí, cải thiện đời sống vật chất người dân, tạo cầu nối hữu nghị giữa tỉnh với các địa phương và các nước trên thế giới.

5. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển các khu vực chức năng, phát triển đô thị, nông thôn

Quản lý quá trình phát triển đô thị theo quy hoạch, phát triển và điều chỉnh, phân bố hợp lý các đô thị trên địa bàn tỉnh, tạo sự phát triển cân đối giữa các vùng. Hoàn thiện, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kinh tế, có tính đến việc sắp xếp lại khu dân cư ở các cửa khẩu nhằm khai thác hiệu quả lợi thế kinh tế cửa khẩu.

Phát triển nông thôn trên cơ sở bảo toàn các khu vực nông nghiệp và lâm nghiệp, các vùng cảnh quan có giá trị; phát triển theo mô hình nông thôn mới gắn với các đặc thù của từng khu vực.

Thường xuyên cập nhật và công bố công khai định hướng phân khu chức năng ở các khu vực đô thị và nông thôn để người dân và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận thông tin và giám sát việc thực hiện.

6. Giải pháp đảm bảo quốc phòng, an ninh

Chú trọng gắn phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Xây dựng, cải tạo, mở mới hệ thống đường tuần tra, đường ra biên giới nhằm phục vụ quốc phòng an ninh, phát triển kinh tế - xã hội và giao thương hàng hóa ở khu vực biên giới. Hoàn thành hệ thống mạng lưới giao thông đường tuần tra biên giới khép kín trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường giao lưu, hợp tác quốc tế và hợp tác với các địa phương lân cận để bảo đảm an ninh biên giới; kết nối cộng đồng dân tộc thiểu số và dân cư bản địa cùng tham gia với doanh nghiệp trong chuỗi giá trị, giúp tạo dựng sinh kế và an cư lạc nghiệp cho dân số vùng biên cương, góp phần củng cố hàng rào an ninh biên

giới.

7. Tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch bằng nhiều hình thức khác nhau tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong triển khai thực hiện.

Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới các quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng và các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch đảm bảo đồng bộ.

Triển khai xây dựng kế hoạch thực hiện Quy hoạch, thường xuyên cập nhật, cụ thể hóa các nội dung quy hoạch thành kế hoạch 05 năm và hàng năm. Các cấp, các ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, kế hoạch phát triển, đảm bảo phù hợp với quy hoạch được duyệt. Trong quá trình triển khai thực hiện, định kỳ đánh giá, giám sát việc thực hiện Quy hoạch theo quy định.

XI. DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

Danh mục sơ đồ, bản đồ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Phụ lục XXIV kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện Quy hoạch

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan:

a) Hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch để thống nhất với Quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh.

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức công bố, công khai, cung cấp thông tin, dữ liệu; tổ chức thực hiện Quy hoạch và định kỳ đánh giá thực hiện Quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

c) Nghiên cứu xây dựng và tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp phù hợp với yêu cầu phát triển và quy định của pháp luật để huy động các nguồn lực thực hiện Quy hoạch.

d) Thực hiện rà soát nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng được quyết định hoặc phê duyệt và kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh trong trường hợp Quy hoạch tỉnh có nội dung mâu thuẫn so với quy hoạch cấp cao hơn.

đ) Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước các cơ quan giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tính chính xác của các nội dung điều chỉnh quy hoạch và triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật; định kỳ báo cáo tình hình thực hiện Quy hoạch theo quy định của pháp luật.

2. Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn, bao gồm cả các dự án chưa được xác định trong các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, phương án phát triển các khu chức năng,

kết cấu hạ tầng kỹ thuật, xã hội ban hành kèm theo Quyết định này phải phù hợp với định hướng phát triển quy định tại Điều 1 Quyết định này và phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch khác có liên quan.

Đối với các dự án được phân kỳ đầu tư sau năm 2030, trường hợp có nhu cầu đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và huy động được nguồn lực thì báo cáo cấp có thẩm quyền chấp thuận cho đầu tư sớm hơn.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Các nội dung khác của Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Quyết định này tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Nội dung điều chỉnh được phê duyệt tại Quyết định này là bộ phận không tách rời của Quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; là cơ sở để lập quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Bộ, ngành Trung ương (để báo cáo);
- Các tỉnh: Cao Bằng, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Phú Thọ, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- C, PCVP UBND tỉnh, Phòng TH, Trung tâm Thông tin;
- Công TTĐT, Công báo tỉnh
- Lưu: VT, KTCN_(HVT_{tr}).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Cảnh Toàn